

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng

Địa chỉ: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Văn Thành; Ông Nguyễn Anh Hiếu; Bà Nguyễn Trà My – đều cán bộ ngân hàng.

(Theo văn bản ủy quyền số 462/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 12/01/2023)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1980 và chị Trần Thị H – sinh năm: 1977

Đều HKTT: thôn ĐX, Xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn S – sinh năm: 1947

+ Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1980

+ Chị Trần Thị H – sinh năm: 1977

+ Cháu Nguyễn Ngọc A – sinh năm: 2000

+ Cháu Nguyễn Quỳnh A1 - sinh năm: 2003

+ Cháu Nguyễn Việt A3 – sinh năm: 2006

Đều HKTT: thôn ĐX, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận nợ: các bên đều thống nhất các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số LN1707070107117 và khế ước nhận nợ số LN 1707070107117 cùng ngày 21/7/2017 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 cụ thể tạm tính đến ngày 22/03/2023: 553.470.301 đồng (năm trăm năm ba triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, ba trăm linh một đồng), cụ thể:

Nợ gốc: 359.458.464 đồng

Nợ lãi: 165.826.704 đồng

Tiền phạt: 28.185.133 đồng

Trong đó:

Hợp đồng LN1707070107117 ngày 21/07/2017 là:

+Nợ gốc: 307.685.697 đồng

+ Nợ lãi: 123.716.366 đồng

+ Phạt chậm trả: 17.767.297 đồng

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017:

+ Nợ gốc: 51.772.767 đồng;

+ Nợ lãi: 42.110.338 đồng;

+ Phạt chậm trả: 10.417.836 đồng;

2.2. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác nhận về tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ của bị đơn tại ngân hàng là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 34, diện tích đất là 325.3 m²; tọa lạc tại thôn ĐX, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN873864, vào sổ cấp GCN số CH 02355 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 21/11/2013 cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H. Theo hợp đồng thế chấp công chứng số 2290/2017; quyền số 03/2017TP-CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đông Đô ngày 14/7/2017.

2.3. Thời hạn trả nợ: Chậm nhất hết ngày 25/4/2023 anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H phải trả toàn bộ 02 khoản vay cả gốc, lãi và phạt nêu trên cho Ngân hàng.

2.4. Về lãi suất: kể từ ngày 23/02/2023 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng số LN1707070107117 ngày 21/07/ 2017 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 các bên đã ký kết trên sổ dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 34, diện

tích đất là 325.3 m²; tạo lạc tại thôn ĐX, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN873864, vào sổ cấp GCN số CH 02355 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 21/11/2013 cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H. Theo hợp đồng thế chấp công chứng số 2290/2017; quyền số 03/2017TP-CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đông Đô ngày 14/7/2017.

- Trường hợp phát mại tài sản không đủ để thu hồi nợ thì bị đơn tiếp tục phải trả nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mại tài sản lớn hơn số tiền nợ thì Ngân hàng phải trả lại cho chủ tài sản số tiền còn thừa.

- Sau khi phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận trên cho Ngân hàng, Ngân hàng có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp nêu trên cho chủ tài sản bảo đảm.

3. **Án phí:** Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ghi nhận việc các đương sự thỏa thuận, thống nhất bị đơn chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **13.069.406 đồng** (Mười ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm linh sáu đồng). Bị đơn có đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn được Tòa án chấp nhận. Giảm 50% số tiền án phí đối với phần án phí của anh T, chị H phải chịu là **3.267.352 đồng** (Ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng). Anh T và chị H phải nộp số tiền án phí còn lại là **9.802.054 đồng** (Chín triệu, tám trăm linh hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng).

Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **11.600.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng)** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00057759 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa;

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Minh